

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM04 LBH.10

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:


Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN
Address (Địa chỉ) : 189, Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC122228015
Information provided by applicant : Lê ki ma sấy khô
(Thông tin được khách hàng cung cấp) : GS10-75
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn được bảo quản trong thùng cách nhiệt ở nhiệt độ 3,5 độ C
Seal No (Số niêm) : Có niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 28/10/2023
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 28/10/2023
Sample tested on (Ngày phân tích) : 28/10/2023
Report date (Ngày trả kết quả) : 03/11/2023
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 18/11/2023

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Analyst
Kiểm nghiệm viên

LÊ SỸ NGHỊ

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

PHẠM THỊ HỒNG TRANG

On behalf of NHO
Đại diện NHO


HOÀNG BÁ NGHỊ

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM04 LBH.10



Code/ Mã mẫu: YC12228015/4

Sample name/ Tên mẫu: Lê ki ma sấy khô

Information provided by applicant/
(Thông tin được khách hàng cung cấp) Lê ki ma sấy khô
GS10-75

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 8- 2:2011/BYT ^(b) ; Thông tư 50/2016/TT- BYT ^(c)
Chì (Pb) ⁽²⁾	MKL-HH960 Ref. AOAC 2013.06	mg/kg	0.010	ND	0.1 ^(b)
Cadimi (Cd) ⁽²⁾	MKL-HH960 Ref. AOAC 2013.06	mg/kg	0.010	ND	-(b)
Paraquat ^{(2)(*)}	NAFI6/H-8.42 (Ref. Food Chemistry 209 (2016) 248-255) (LC- MS/MS)	µg/kg	/	ND	0.01 ^(c)

Conclusion/ Kết luận:

Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu quy định kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT^(b); phù hợp quy định thuốc BVTV theo Thông tư 50/2016/TT-BYT^(c)